

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày: 10-8-2020
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phú Ba;

2. Bà Trần Thị Phiến;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 và 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 56/2020/QĐST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 167, ấp Hòa Qi, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp Hòa Tr, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn:

Chị Trần Thị M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Hòa Tr, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông H là chủ cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi Ba Tiên, ở xã Hòa T. Từ tháng 4-2019, anh C có mua thức ăn chăn nuôi vịt tại cửa hàng của ông. Khi anh C có yêu cầu, ông H cho người chở thức ăn đến nhà giao trực tiếp cho anh C. Hình thức thanh toán gói đầu (nhận hàng đợt sau, trả tiền đợt trước). Việc giao nhận thức ăn, trả tiền không làm biên bản giao nhận. Tuy nhiên, ông H có ghi sổ sách để tự theo dõi. Thời gian đầu, anh C thanh toán tiền thức ăn đầy đủ và uy tín. Sau đó, hai bên xảy ra tranh chấp về số lượng thức ăn đã giao và số tiền đã trả, nên ông H không giao thức ăn tiếp và anh C chưa trả tiền cho ông H. Cụ thể, việc giao nhận thức ăn, việc trả tiền của anh C, theo sổ sách của ông H, thể hiện như sau:

- Bắt đầu ngày 12-11-2019 (al): Buổi sáng ông H giao cho anh C 04 (bốn) bao thức ăn vịt, trưa giao thêm 76 (bảy mươi sáu) bao; giá thức ăn là 195.000 đồng/bao. Tổng cộng ngày 12-11-2019 (al), ông H giao cho anh C 80 bao thức ăn. Theo thông lệ làm ăn, cửa hàng phải cho người mua gói đầu 30 bao thức ăn đối với người có nuôi vịt đẻ. Tuy nhiên, ông H cho anh C nợ luôn 80 bao đã giao trong ngày này.

- Ngày 22-11-2019 (al), ông H giao cho anh C 60 bao thức ăn, anh C có trả tiền 50 bao, còn nợ lại 10 bao, chưa trả tiền.

Như vậy, anh C chưa thanh toán 90 bao.

- Ngày 28-11-2019 (al), ông H giao tiếp cho anh C 60 bao x 195.000.000 đồng = 11.700.000 đồng, anh C thanh toán 8.700.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng (có thể hiểu, anh C thanh toán 60 bao, chỉ còn nợ 3.000.000 đồng). Ngày 02-12-2019 (al), anh C trả 3.000.000 đồng.

Như vậy, anh C vẫn còn nợ 90 bao (như trên).

- Ngày 06-12-2019 (al), ông H giao cho anh C 60 bao thức ăn, thành tiền 11.700.000 đồng, anh C chưa trả tiền;

- Ngày 07-12-2019 (al), anh C trả 10.000.000 đồng của ngày 06-12-2019 (al), còn nợ lại 1.700.000 đồng.

- Ngày 14-12-2019 (al), ông H giao cho anh C 30 bao thức ăn, thành tiền 5.850.000 đồng, anh C chưa trả tiền. Tuy nhiên, anh C có trả dùm ông H tiền xe ba gác 1.200.000 đồng, ông H trừ vào khoản còn thiếu của anh C là 1.700.000 ngày (07-12-2019 (al)). Như vậy, ngày 07-12-2019 (al), anh C chỉ còn nợ 500.000 đồng.

- Ngày 16-12-2019 (al), anh C trả tiền cho ông H của đợt giao hàng ngày 14-12-2019 (al) và trả 500.000 đồng còn nợ của ngày 07-12-2019 (al), nên ông H ghi ngày 16-12-2019 (al), số tiền ông H nhận là 6.350.000 đồng.

- Ngày 17-12-2019 (al), ông H giao cho anh C 30 bao thức ăn,

tuy nhiên, anh V (chạy xe ba gác giao hàng) mượn 01 bao, anh C thực nhận là 29 bao, anh C chưa trả tiền.

- Ngày 20-12-2019 (al), ông H tiếp tục giao cho anh C 31 bao thức ăn (bù 01 bao của anh V lấy), anh C chưa trả tiền.

- Ngày 22-12-2019 (al), ông H giao cho anh C 07 bao thức ăn. Anh C có thanh toán cho ông H 30 bao thức ăn của ngày 17-12-2019 (al) là 5.850.000 đồng.

Sau đó, ông H tổng kết số bao thức ăn mà anh C còn nợ. Anh C không thống nhất số lượng 60 bao thức ăn trong số 90 bao ông H cho anh C nợ, nên phát sinh tranh chấp (vì anh C cho rằng chỉ gói đầu 30 bao, không phải 90 bao).

Hiện tại, theo sổ sách theo dõi của ông H, anh C còn nợ ông H 127 bao thức ăn x 195.000 đồng/bao = 24.765.000 đồng.

Ông H yêu cầu anh C và vợ anh C là chị M liên đới trả cho ông H số tiền thức ăn gia cầm (vịt) còn nợ là 24.765.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:

Từ tháng 4 năm 2019, anh C có mua thức ăn vịt tại cửa hàng của ông H để chăn nuôi vịt. Việc thanh toán theo hình thức gói đầu (giao hàng đợt sau mới trả tiền đợt trước). Số thức ăn cho nợ thông thường là 30 bao. Giá thỏa thuận mỗi bao thức ăn là 195.000 đồng. Khi giao nhận hàng, trả tiền, ông H không cho anh C ký nhận sổ sách. Thời gian đầu việc mua bán, thanh toán thuận lợi.

Từ ngày 22-12-2019 (al), ông H cho rằng anh C chưa trả nợ 60 bao thức ăn của đợt giao hàng đầu tiên, anh C xác định đã trả rồi, nên hai bên có gây gổ. Do đó, ông H không giao thức ăn cho anh C, không có nguồn thức ăn làm cho vịt của anh C ngưng đẻ trứng, ảnh hưởng đến kinh tế của anh C. Sau cùng, anh C phải bán hết số vịt đang nuôi. Anh C xác định chỉ còn nợ ông H 37 bao thức ăn, quy ra tiền là 7.215.000 đồng. Anh C không đồng ý trả số tiền 24.765.000 đồng, theo yêu cầu khởi kiện của ông H, chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền còn nợ là 7.215.000 đồng. Anh C không đồng ý yêu cầu của ông H về việc yêu cầu chị M liên đới cùng anh trả nợ cho ông H, vì anh C và chị M chỉ là bạn bè, chung sống không có đăng ký kết hôn, việc anh C làm ăn, giao dịch, mua bán với ông H, chị M không biết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị M trình bày:

Chị M với anh C làm bạn bè, chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, không làm kinh tế chung. Chị M không giao dịch, mua bán thức ăn vịt với ông H. Việc mua bán, trả tiền giữa ông H và anh C, chị M không biết. Do đó, chị M không đồng ý liên đới cùng anh C trả nợ cho ông H.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát: Do ông H không có căn cứ chứng minh anh C có nhận 127 bao thức ăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, buộc anh C trả cho ông H số tiền của 37 bao thức ăn còn nợ là 7.215.000 đồng. Đối với yêu cầu của ông H về yêu cầu chị M liên đới cùng anh Cường trả nợ, là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của ông Hùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bị đơn, anh Đỗ Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị M liên đới trả tiền thức ăn gia cầm (vịt) còn nợ là 127 bao thức ăn, số tiền 24.765.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn, có đủ căn cứ chứng minh có việc giao dịch mua bán thức ăn gia cầm (vịt) giữa người bán là ông H, người mua là anh C. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[1.2] Việc mua bán, giao nhận thức ăn giữa nguyên đơn, bị đơn dựa trên uy tín, không làm sổ sách giao nhận số lượng bao thức ăn, không làm biên nhận về việc trả tiền. Ông H chỉ tự ghi sổ sách để theo dõi. Tuy nhiên, việc tổng kết số lượng thức ăn đã giao, số tiền đã trả không được anh C ký tên, thống nhất xác nhận. Do đó, ông Hùng không đủ căn cứ chứng minh anh C còn nợ 127 bao thức ăn, thành tiền 24.765.000 đồng. Qua làm việc với người làm chứng, anh Nguyễn Văn V, người chở hàng giao cho anh C, trình bày: Anh V được ông H thuê, chở thức ăn gia cầm giao cho anh C. Về số lượng bao thức ăn, do ông H và anh C thỏa thuận. Khi giao hàng, ông H không giao sổ sách cho anh V buộc anh C ký nhận. Cách thức anh C trả tiền cho ông H, trả ngày nào, bao nhiêu, anh V không biết.

[1.3] Anh C thừa nhận chỉ còn nợ ông H 37 bao thức ăn quy ra tiền là 7.215.000 đồng. Anh C đồng ý trả số tiền còn nợ ông H là 7.215.000 đồng.

[1.4] Điều 430 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng mua bán tài sản

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.”

Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả tiền:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2... ”

[1.5] Căn cứ quy định pháp luật trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh C trả số tiền mua thức ăn còn nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, về số tiền ông H yêu cầu anh C trả là 24.765.000 đồng, là chưa đủ cơ sở chấp nhận, như nhận định trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh C trả cho ông H số tiền 7.215.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị M liên đới cùng bị đơn anh C trả nợ cho ông H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Anh C và chị M chung sống không đăng ký kết hôn. Việc giao dịch mua bán thức ăn giữa ông H, anh C, chị M không biết. Chị M không trực tiếp giao dịch mua bán: Không nhận hàng, không trả tiền cho ông H. Anh C xác định, anh và chị M không làm kinh tế chung, không đồng ý, không yêu cầu chị M liên đới với anh Cường trả nợ.

[2.2] Do đó, việc ông Hùng yêu cầu chị M liên đới trả nợ là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu bị đơn, anh Đỗ Văn C và người có quyền nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị M trả tiền thức ăn gia cầm còn nợ.

2. Buộc anh Đỗ Văn C trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 7.215.000 đồng (Bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng.)

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

(đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 877.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí ông H nộp là 620.000 đồng theo biên lai thu số 0007491 ngày 17-3-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thành án phí. Ông H phải nộp tiếp số tiền án phí là 275.500 đồng.

Anh Đỗ Văn C phải chịu 361.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (03 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành (01 bản)
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thanh Hùng

